

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN  
PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2017

“V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Tuyết Kha
2. Bà Ngô Thị Như Ý

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Danh Văn An- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc: “Tranh chấp yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Trú tại: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh B.

*Bị đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1998.

Trú tại: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh B.

(Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn C vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày ngày 12 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị xây dựng hôn nhân với anh Lê Văn C vào năm 2014 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn hợp với nhau, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc. Xét thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn được

nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn C. Vợ chồng chị không có con chung. Về quan hệ tài sản chung Chị Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có một số tài sản chung, nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề trên.

Anh Lê Văn C không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án nên không thể thu thập chứng cứ từ lời khai từ anh Lê Văn C.

Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Bản tự khai của Chị Nguyễn Thị T, biên bản lấy lời khai của Chị Nguyễn Thị T, giấy đăng ký kết hôn, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C; Biên bản xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương của anh Lê Văn C.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình đúng theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn anh Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh Lê Văn C đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy đề nghị căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn C. Từ đó đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về tố tụng cần khắc phục đối với vụ án.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C xây dựng hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Văn C; Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung do Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 12 tháng 4 năm 2017 chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn C. Do đó đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227,

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C xây dựng hôn nhân vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo Chị Nguyễn Thị T xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện hôn nhân của chị và anh Lê Văn C mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân 02 năm nay, nên chị yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được, đã ly thân 02 năm nay. Từ đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Văn C.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C không có con chung.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ.

[7] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C.
2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003048 ngày 14/4/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- Các đương sự
- Lưu

**Hồ Huỳnh Tố Hiền**